BỘ TƯ PHÁP - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ TƯ PHÁP - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP	*Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2012*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp; cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; phối hợp cung cấp, xác minh, rà soát thông tin lý lịch tư pháp.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Sở Tư pháp), cơ quan Thi hành án dân sự; các cơ quan có liên quan thuộc Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các

cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Điều 2. Bộ phận đầu mối tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Tòa án:

a) Tòa án nhân dân tối cao giao cho các Tòa phúc thẩm, Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

b) Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh) giao cho bộ phận làm nhiệm vụ tống đạt bản án hình sự thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

c) Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp huyện) giao cho công chức làm nhiệm vụ tống đạt bản án hình sự thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

2. Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Viện kiểm sát:

a) Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao cho Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

b) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh) giao cho Văn phòng thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

3. Bộ phận đầu mối tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an:

a) Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát thuộc Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 để cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

b) Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh cung cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá có từ ngày 01 tháng 7 năm 2010;

c) Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp cung cấp thông báo về việc thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam; quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài; thông báo về quyết định đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam;

d) Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh cung cấp thông báo về việc thi hành án phạt trục xuất;

đ) Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) cung cấp giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định có từ ngày 01 tháng 7 năm 2010.

4. Tòa án quân sự Trung ương thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án.

5. Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại cơ quan thi hành án dân sự:

a) Cục Thi hành án dân sự tỉnh giao cho Văn phòng thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

b) Chi cục Thi hành án dân sự huyện giao cho một công chức thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Điều 3. Hình thức và phương thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Thông tin lý lịch tư pháp được gửi dưới một trong các hình thức sau:

a) Trích lục bản án hình sự theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này (sau đây gọi là trích lục bản án hình sự) hoặc bản chính hoặc bản sao bản án;

b) Bản chính hoặc bản sao quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo;

c) Văn bản định dạng PDF (có chữ ký và con dấu) trong trường hợp cung cấp qua mạng máy tính. Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính phải bảo đảm tính bảo mật, an toàn, chính xác của thông tin;

d) Đối với thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010, ngoài hình thức nêu tại điểm b, c khoản này, có thể được gửi dưới hình thức công văn trả lời.

2. Thông tin lý lịch tư pháp được gửi bằng một trong các phương thức như trực tiếp, qua bưu điện, mạng máy tính, cụ thể:

a) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được gửi trực tiếp thì bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận, làm thủ tục ký nhận giữa bên tiếp nhận và bên gửi thông tin. Sau khi làm thủ tục ký nhận, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm đăng ký vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký và ghi rõ họ tên của mình. Ngày ký nhận văn bản là ngày Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp;

b) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được gửi qua bưu điện thì bộ phận tiếp nhận phải vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký và ghi rõ họ tên của mình. Ngày nhận được văn bản theo dấu bưu điện chuyển đến là ngày Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp;

c) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp qua mạng máy tính thì các cơ quan có liên quan phải có văn bản thông báo địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan mình hoặc của bộ phận làm đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có nhiệm vụ cung cấp địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin. Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính chỉ được thực hiện sau khi Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp thông báo cho các cơ quan có liên quan địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin.

Sau khi nhận được thông tin, bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký nhận vào sổ và thông báo cho cơ quan, đơn vị đã cung cấp thông tin.

Chương II
CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐỂ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Mục 1
CUNG CẤP THÔNG TIN CÓ TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2010

Điều 4. Trường hợp đề nghị cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích

1. Trường hợp cần có thêm thông tin về tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, tình trạng thi hành án của người đã bị Tòa án Việt Nam kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 để lập Lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Lý lịch tư pháp, khoản 2, khoản 3 Điều 8, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (sau đây gọi là Nghị định số 111/2010/NĐ-CP) thì Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, đơn vị sau đây tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cụ thể như sau:

a) Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án cung cấp bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm; trường hợp bản án được xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao cung cấp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm;

b) Tòa án đã ra quyết định thi hành án hình sự cung cấp quyết định thi hành án hình sự;

c) Tòa án đã cấp giấy chứng nhận đặc xá trong trường hợp hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cung cấp thông tin về việc đặc xá;

d) Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh thực hiện cung cấp thông tin về việc thi hành án phạt trục xuất;

đ) Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án; cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án liên quan đến thi hành phần dân sự trong bản án hình sự cung cấp thông tin về việc thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác, thông tin về đình chỉ thi hành án, kết quả thi hành án của người bị kết án;

e) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các hình phạt bổ sung này;

g) Tòa án quân sự Trung ương cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án.

2. Trường hợp cần có thêm thông tin để lập Lý lịch tư pháp đối với người bị kết án mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật Lý lịch tư pháp, khoản 2, khoản 3 Điều 8, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến bản án hình sự, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm và quyết định thi hành án hình sự

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, Tòa án có nhiệm vụ gửi thông tin lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị, cụ thể như sau:

1. Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc Tòa án đã xét xử phúc thẩm vụ án có nhiệm vụ gửi bản án hình sự hoặc trích lục bản án hình sự.

2. Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm.

3. Tòa án đã ra quyết định thi hành án hình sự có nhiệm vụ gửi quyết định thi hành án hình sự.

Điều 6. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc đặc xá

Tòa án đã cấp giấy chứng nhận đặc xá trong trường hợp người bị kết án được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc đặc xá cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Điều 7. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc thi hành án phạt trục xuất

Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc thi hành án phạt trục xuất cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Điều 8. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc thi hành án dân sự

Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành; cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án liên quan đến thi hành phần dân sự trong bản án hình sự có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác, thông tin về đình chỉ thi hành án, kết quả thi hành án của người bị kết án cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Điều 9. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các hình phạt bổ sung

Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Điều 10. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án

Tòa án quân sự Trung ương có nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị.

Điều 11. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã

Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nhiệm vụ gửi quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã có hiệu lực pháp luật cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

Điều 12. Thời hạn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

Thời hạn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo quy định tại các điều từ Điều 6 đến Điều 11 Thông tư liên tịch này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày các cơ quan, tổ chức nhận được văn bản đề nghị cung cấp thông tin của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

Mục 2
CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP TỪ NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2010

Điều 13. Thông tin lý lịch tư pháp về án tích do Tòa án cung cấp

1. Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở trích lục bản án hình sự hoặc bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm kèm theo bản án sơ thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở.

2. Trường hợp bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật được xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

3. Tòa án đã ra các quyết định sau đây có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở:

a) Quyết định thi hành án phạt tù, án treo, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt tù, án treo, án phạt cải tạo không giam giữ;

b) Quyết định thi hành án phạt trục xuất trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt trục xuất;

c) Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt tù mà được hoãn thi hành án;

d) Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành án phạt tù nhưng được tạm đình chỉ thi hành án;

đ) Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ;

e) Quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế trong trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế;

g) Quyết định giảm chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án được giảm chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ;

h) Quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo trong trường hợp người bị kết án được rút ngắn thời gian thử thách án treo;

i) Quyết định đình chỉ việc chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành án phạt tù chết;

k) Quyết định đình chỉ thi hành án trong trường hợp người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù chết;

l) Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp người bị kết án được miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

4. Tòa án đã cấp giấy chứng nhận đặc xá trong trường hợp người bị kết án được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ gửi giấy chứng nhận đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

5. Tòa án đã ra quyết định xóa án tích hoặc cấp giấy chứng nhận xóa án tích có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy chứng nhận đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

6. Tòa án đã ra quyết định thi hành án tử hình có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở. Trường hợp người bị kết án tử hình được Chủ tịch nước quyết định ân giảm án tử hình thì Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

7. Tòa án đã ra quyết định tiếp nhận chuyển giao, quyết định thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

8. Tòa án đã ra quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở.

9. Thời hạn gửi trích lục bản án hình sự, bản án hình sự, quyết định, giấy chứng nhận quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 8 được thực hiện như sau:

a) Thời hạn gửi các văn bản quy định tại khoản 1, 2, các điểm i, k, l khoản 3 và các khoản 4, 5, 7 và khoản 8 Điều này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định hoặc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Đối với bản án phạt cảnh cáo thì thời hạn gửi trích lục bản án hoặc bản án là 07 ngày làm việc, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

b) Thời hạn gửi các quyết định quy định tại các điểm a, c, đ, e, g, h khoản 3 và tại khoản 6 Điều này là 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định;

c) Các quyết định quy định tại các điểm b, d khoản 3 Điều này được gửi ngay sau khi ra quyết định.

Điều 14. Thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã do Tòa án cung cấp

Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở quyết định tuyên bố phá sản hoặc trích lục quyết định tuyên bố phá sản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Điều 15. Thông tin lý lịch tư pháp do Viện kiểm sát cung cấp

1. Vụ Hợp tác quốc tế thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trích lục bản án, trích lục án tích của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được trích lục bản án, trích lục án tích.

2. Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Viện kiểm sát đó có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

Điều 16. Thông tin lý lịch tư pháp về án tích do cơ quan Công an cung cấp

1. Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp

quốc gia giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

2. Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp có nhiệm vụ gửi thông báo về việc thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam, quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài, thông báo về quyết định đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thi hành quyết định hoặc kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ gửi cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia văn bản thông báo về việc thi hành án phạt trục xuất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thi hành xong án phạt trục xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Thi hành án hình sự.

4. Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) có nhiệm vụ cung cấp các thông tin sau đây:

a) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 62, khoản 3 Điều 73 Luật Thi hành án hình sự;

b) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cho Sở Tư pháp nơi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 3 Điều 89, khoản 5 Điều 103 và khoản 5 Điều 107 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 17. Thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan thi hành án dân sự cung cấp

1. Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); giấy xác nhận kết quả thi hành án (nếu có) có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy xác nhận đó cho Sở Tư pháp nơi cơ quan thi hành án có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoặc cấp giấy xác nhận.

2. Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện thông báo bằng văn bản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) cho Sở Tư pháp nơi cơ quan thi hành án

có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày người bị kết án đã chấp hành xong nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự.

Điều 18. Thông tin lý lịch tư pháp của người bị Tòa án quân sự kết án

1. Việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người bị kết án là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu; dân quân, tự vệ phối hợp với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và những người được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 04/2002/PL-UBTVQH ngày 04 tháng 11 năm 2002 về việc tổ chức Tòa án quân sự (sau đây gọi là Pháp lệnh số 04/2002/PL-UBTVQH) được thực hiện như sau:

a) Trường hợp Tòa án quân sự xét xử vụ án hoặc ra quyết định hoặc nhận được bản án, quyết định quy định tại khoản 1, 2, các điểm từ điểm a đến điểm đ, các điểm từ điểm g đến điểm l khoản 3 và các khoản từ khoản 4 đến khoản 6 Điều 13 Thông tư liên tịch này thì Tòa án đó có nhiệm vụ gửi cho Tòa án quân sự Trung ương bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật, quyết định, giấy chứng nhận;

b) Viện kiểm sát đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với người đã bị Tòa án quân sự xét xử có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Tòa án quân sự Trung ương;

c) Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam cấp quân khu có nhiệm vụ gửi cho Tòa án quân sự Trung ương giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá;

d) Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có nhiệm vụ gửi cho Tòa án quân sự Trung ương giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo;

đ) Phòng thi hành án cấp quân khu có nhiệm vụ gửi cho Tòa án quân sự Trung ương quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); giấy xác nhận kết quả thi hành án (nếu có). Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì cơ quan thi hành án cấp quân khu thông báo bằng văn bản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) cho Tòa án quân sự Trung ương;

e) Thời hạn gửi trích lục bản án hình sự, bản án hình sự, quyết định, giấy chứng nhận quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Thông tư liên tịch này.

Thời hạn gửi quyết định, giấy chứng nhận quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoặc cấp giấy chứng nhận hoặc kể từ ngày người bị kết án chấp hành xong nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự;

g) Sau khi người bị kết án đã chấp hành xong bản án hoặc được đặc xá, đại xá mà không tiếp tục phục vụ trong quân đội nữa thì Tòa án quân sự Trung ương có nhiệm vụ gửi toàn bộ thông tin lý lịch tư pháp của người đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày người bị kết án đã chấp hành xong bản án hoặc được đặc xá, đại xá.

2. Trường hợp người bị Tòa án quân sự kết án thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh số 04/2002/PL-UBTVQH thì Tòa án quân sự Trung ương có nhiệm vụ gửi toàn bộ thông tin lý lịch tư pháp của người đó cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin do các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III
TRA CỨU, XÁC MINH, CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐỂ CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 19. Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp

1. Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp.

Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nộp bản chụp Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp không có bản chính để đối chiếu thì nộp bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cá nhân ủy quyền cho người khác (không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con) làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì phải có văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người ủy quyền là người nước ngoài đã rời Việt Nam thì phải có văn bản ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật của nước mà người đó là công dân hoặc thường trú và phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và dịch ra tiếng Việt.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được lập thành 01 bộ và nộp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp.

Điều 20. Tra cứu, xác minh thông tin có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 tại cơ quan Công an

1. Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát thuộc Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích để cấp Phiếu lý lịch tư pháp (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này).

Khi nhận được đề nghị của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp, Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát thuộc Bộ Công an, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi người bị kết án đã chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, đại xá tra cứu, xác minh để thực hiện cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, đại xá có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 để lập Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

2. Việc trích chuyển số tiền lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được để lại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp cho cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phối hợp xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thực hiện theo quy định của Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Điều 21. Tra cứu thông tin có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 tại Tòa án

1. Trong trường hợp kết quả tra cứu thông tin lý lịch tư pháp của cơ quan Công an vẫn chưa đủ căn cứ để kết luận hoặc nội dung về tình trạng án tích của đương sự có điểm chưa rõ ràng, đầy đủ thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc Tòa án đã xét xử phúc thẩm vụ án liên quan đến đương sự để tra cứu hồ sơ, nhằm khẳng định người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp có án tích hay không có án tích.

Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp trực tiếp xác minh thì việc trực tiếp xác minh phải được lập thành biên bản theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 Thông tư liên tịch này. Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị tra cứu thông tin thì văn bản đề nghị phải ghi rõ thông tin về người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bao gồm: họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và thông tin về bản án liên quan đến đương sự (nếu có).

Việc tra cứu thông tin tại Tòa án trong trường hợp này được tiến hành ngay sau khi nhận được kết quả tra cứu xác minh thông tin của cơ quan Công an.

2. Tòa án nơi nhận được đề nghị tra cứu thông tin thực hiện tra cứu hồ sơ và thông báo kết quả cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu thông tin.

Điều 22. Tra cứu thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 tại cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho những người đã từng là sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Tòa án quân sự Trung ương tra cứu thông tin.

2. Tòa án quân sự Trung ương thông báo kết quả tra cứu thông tin cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu thông tin.

Điều 23. Tra cứu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 được thực hiện tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia theo quy định tại Điều 47 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Trường hợp người bị Tòa án kết án trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 nhưng từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã lập Lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì việc tra cứu thông tin được thực hiện tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp của người đó khi có yêu cầu.

Chương IV
PHỐI HỢP CUNG CẤP, XÁC MINH, RÀ SOÁT THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 24. Phối hợp cung cấp thông tin giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp và cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu khác

Việc phối hợp cung cấp thông tin giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp và cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu khác theo quy định tại Điều 5 và Điều 16 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Trong quá trình cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, trường hợp các thông tin về nhân thân như: họ, tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, nơi cư

trú, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và thông tin khác về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có điểm chưa rõ ràng, chính xác thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản cho các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân để xác minh, làm rõ, cụ thể như sau:

a) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch cung cấp thông tin về họ, tên, ngày tháng năm sinh, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và những thông tin khác về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong trường hợp có sự sai lệch thông tin về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch để xác minh tính chính xác của thông tin;

b) Cơ quan đăng ký hộ tịch đã ban hành quyết định cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch, cấp giấy chứng tử cho người từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện cung cấp thông tin về việc thay đổi, cải chính hộ tịch và chứng tử;

c) Cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; cấp, quản lý chứng minh nhân dân thực hiện xác minh, cung cấp thông tin về nơi cư trú, số chứng minh nhân dân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư; cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch; cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; cấp, quản lý chứng minh nhân dân có nhiệm vụ xác minh, cung cấp thông tin cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã đề nghị trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị cung cấp thông tin. Đối với những trường hợp đặc biệt cần xác minh nhiều nơi thì được phép kéo dài thời hạn nhưng không quá 20 ngày làm việc.

3. Việc phối hợp cung cấp, xác minh, rà soát thông tin lý lịch tư pháp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp, bảo vệ bí mật nhà nước và lưu trữ quốc gia.

Điều 25. Phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích

1. Việc phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức để cập nhật thông tin vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Sở Tư pháp gửi văn bản yêu cầu xác minh (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) hoặc trực tiếp xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú sau khi chấp hành xong bản án về việc người đó có bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong thời hạn đang có án tích hay không;

b) Cán bộ tư pháp - hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xác minh theo yêu cầu của Sở Tư pháp. Trường hợp cần thiết, cán bộ tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp với Công an cấp xã thực hiện xác minh;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ gửi văn bản thông báo kết quả xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác minh;

d) Trường hợp Sở Tư pháp trực tiếp xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú sau khi chấp hành xong bản án, thì việc trực tiếp xác minh phải được lập thành biên bản. Biên bản làm việc phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản, họ tên, chức vụ của người tham gia, nội dung làm việc, kết quả xác minh, giấy tờ văn bản kèm theo (nếu có). Biên bản được lập thành hai bản, có chữ ký của người đại diện các cơ quan tham gia và phải được đóng dấu xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi thực hiện việc xác minh.

2. Trường hợp Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia tiến hành xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích để cập nhật vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cho thấy người bị kết án có thể đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp thực hiện xác minh tại cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan để làm rõ về việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hay không. Việc tiến hành xác minh được thực hiện như sau:

a) Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp gửi văn bản yêu cầu xác minh (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này);

b) Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ gửi văn bản thông báo kết quả xác minh (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã yêu cầu trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan Thi hành án dân sự có nhiệm vụ gửi văn bản thông báo kết quả xác minh về điều kiện

đương nhiên được xóa án tích của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp khi nhận được yêu cầu của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

Điều 26. Phối hợp rà soát cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia phối hợp với Tòa án quân sự Trung ương, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát, Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an, các trại giam, trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh, Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp thực hiện rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp.

Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia phối hợp với Vụ Thống kê tổng hợp thuộc Tòa án nhân dân tối cao trong việc rà soát cung cấp thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án cung cấp.

2. Định kỳ hàng quý, Sở Tư pháp phối hợp với các Tòa phúc thẩm, Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) nơi các cơ quan này có trụ sở để thực hiện rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 16, Điều 17, Điều 20 Thông tư liên tịch này.

3. Việc phối hợp rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có nhiệm vụ gửi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này văn bản đề nghị kèm theo trích sao báo cáo thống kê thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được để phối hợp rà soát, đối chiếu.

Tòa án quân sự Trung ương, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát, Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an, các trại giam, trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh, Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có nhiệm vụ rà soát, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp mà cơ quan, đơn vị đó có nhiệm vụ cung cấp và thông báo cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị rà soát thông tin lý lịch tư pháp.

Trường hợp số lượng thông tin lý lịch tư pháp cung cấp chưa đầy đủ, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đề nghị Tòa án quân sự Trung ương, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an, các trại giam, trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh, Tổng cục thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp cung cấp thêm thông tin;

b) Sở Tư pháp có nhiệm vụ gửi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 2 Điều này văn bản đề nghị kèm theo trích sao báo cáo thống kê thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được để phối hợp rà soát, đối chiếu.

Các Tòa phúc thẩm, Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) có nhiệm vụ rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp mà cơ quan, đơn vị đó có nhiệm vụ cung cấp và thông báo cho Sở Tư pháp trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị rà soát thông tin lý lịch tư pháp.

Trường hợp số lượng thông tin lý lịch tư pháp cung cấp chưa đầy đủ, Sở Tư pháp đề nghị các Tòa phúc thẩm, Ban Thư ký Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) xác minh, cung cấp thêm thông tin.

4. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trên cơ sở kết quả rà soát cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp phối hợp thực hiện rà soát việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Việc phối hợp rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp chưa đầy đủ, có sai sót, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho đầy đủ, chính xác.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2012.

2. Việc gửi giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân có từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 hướng dẫn tại khoản 4 Điều 16 Thông tư liên tịch này do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức được giao thi hành các loại án này thực hiện.

3. Thông tư liên tịch số 07/1999/TTLT-BTP-BCA ngày 08 tháng 02 năm 1999 của Bộ Tư pháp và Bộ Công an quy định việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức báo cáo về Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng để hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN THƯỜNG TRỰC

Đặng Quang Phương

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG

Phạm Quý Tỵ

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Hoàng Nghĩa Mai

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng
Phạm Quý Ngọ

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng
Nguyễn Thành Cung

Mẫu số 01/TTLT-LLTP

TÒA ÁN.....[1] ……. Số ……./...……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ....., *ngày..... tháng..... năm.....*

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

(Dùng cho cung cấp thông tin lý lịch tư pháp)

Bản án số ……. ngày ….. tháng….. năm …… của Tòa án .....

1. Họ và tên[2]: .....
2. Tên gọi khác (nếu có): .....
3. Giới tính: .....
4. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... Nơi sinh[3]:.....
5. Quốc tịch:..... Dân tộc:.....
6. Nơi thường trú[4]: .....
.....
7. Nơi tạm trú[5]:.....
.....
8. Giấy CMND/Hộ chiếu[6] (nếu có):..... Số: .....
Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....
9. Họ tên cha: .....
10. Họ tên mẹ: .....
11. Họ tên vợ (chồng): .....
12. Tội danh, điều khoản luật áp dụng:.....
.....
13. Hình phạt chính: .....
14. Hình phạt bổ sung (nếu có): .....
15. Nghĩa vụ dân sự (nếu có): .....
16. Án phí:.....
17. Tiền án[7](nếu có) : .....
.....
18. Ghi chú[8]:……
……

NGƯỜI TRÍCH LỤC *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**THẨM PHÁN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

[1] Ghi rõ Tòa án đã tuyên Bản án.

[2] Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[3] Ghi rõ tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

[4,5] Trường hợp có nơi thường trú và tạm trú thì ghi cả hai nơi, trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì gạch chéo.

[6] Ghi rõ là Chứng minh nhân dân hay Hộ chiếu.

[7] Ghi đầy đủ các tiền án và ghi rõ: số bản án; ngày, tháng, năm tuyên án; Tòa án đã tuyên; tội danh, điều khoản luật áp dụng; hình phạt chính.

[8] Nếu là Bản án xét xử sơ thẩm thì ghi rõ "Bản án đã có hiệu lực pháp luật" hoặc "Bản án có kháng cáo, kháng nghị".

Nếu là Bản án xét xử phúc thẩm thì ghi rõ: Xét xử phúc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số……ngày… tháng … năm…..... của Tòa án……

Mẫu số 02/TTLT-LLTP

TÒA ÁN ……..[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số …..../……..	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

TRÍCH LỤC
QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ PHÁ SẢN
(Dùng cung cấp thông tin lý lịch tư pháp)

Quyết định tuyên bố phá sản số...../..... ngày..... tháng..... năm.....
Tuyên bố:
1. Tên doanh nghiệp hợp tác xã bị tuyên bố phá sản: .....
2. Địa chỉ:.....
Đối với:
3. Họ và tên[2]:.....
4. Tên gọi khác (nếu có):..... .....
5. Giới tính:…….....
6. Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ……/ ….....8. Nơi sinh[3]: .....
7. Quốc tịch:.....10. Dân tộc:.....
8. Nơi thường trú[4]:.....
.....
9. Nơi tạm trú[5]: .....
.....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu (nếu có)[6]: ..... Số:.....
Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại: .....
11. Chức vụ bị cấm đảm nhiệm:.....
12. Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong ..... được tính kể từ ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI TRÍCH LỤC (*Ký, ghi rõ họ tên)*	**THẨM PHÁN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:
[1] Ghi rõ Tòa án đã ra Quyết định
[2] Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.
[3] Ghi rõ tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.
[4,5] Trường hợp có nơi thường trú và tạm trú thì ghi cả hai nơi, trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì gạch chéo.
[6] Ghi rõ là Chứng minh nhân dân hay Hộ chiếu.

Mẫu số 03/TTLT-LLTP

[1].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/……..

....., ngày…… tháng …… năm……

PHIẾU XÁC MINH THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Kính gửi: ……..

……..…… *đề nghị Quý cơ quan tra cứu hồ sơ, xác minh thông tin lý lịch tư pháp về án tích của người có tên dưới đây:*

Họ và tên [2]:.....

Tên gọi khác (nếu có):..... Giới tính .....

Ngày, tháng, năm sinh:…..../…..../…… .Nơi sinh [3]: .....

Quốc tịch:.....Dân tộc:..... .....

Nơi thường trú [3]:.....

.....

Nơi tạm trú [4]: .....

.....

Giấy CMND/Hộ chiếu:.....[5] Số: .....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....Tại:.....

Họ tên cha:.....

Họ tên mẹ:.....

Họ tên vợ (chồng):.....

(Gửi kèm theo 01 bộ hồ sơ bản chụp tài liệu của đương sự).

Đề nghị Quý cơ quan có văn bản phản hồi trước ngày .....

.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

[1] Ghi rõ tên cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

[2]Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

[3]Ghi rõ tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

[3,4] Trường hợp có nơi thường trú và tạm trú thì ghi cả hai nơi, trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì gạch chéo.

[5] Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

Mẫu số 04/TTLT-LLTP

[1].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……./…… *....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ XÁC MINH THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Kính gửi:.....

Theo Phiếu xác minh lý lịch tư pháp số ...../LLTP gửi ngày..... của Quý cơ quan, ... thông báo kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp về án tích của Ông/Bà: ..... như sau:

Tình trạng án tích [2] :.....

1. Số bản án; ngày, tháng, năm tuyên án; Tòa án tuyên án:.....
.....
.....

2. Tội danh – Điều khoản của Bộ luật Hình sự được áp dụng: .....
.....
.....
.....

3. Hình phạt chính: .....
.....
.....

4. Hình phạt bổ sung (nếu có): .....
.....
.....
.....

5. Tình trạng thi hành án: .....
.....
.....
.....

NGƯỜI TRA CỨU HỒ SƠ	.....
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

[1] Ghi rõ tên cơ quan thực hiện xác minh thông tin lý lịch tư pháp.

[2] Ghi rõ có hoặc không có án tích. Trường hợp có án tích thì ghi rõ các thông tin theo nội dung các mục ở dưới. Nếu có nhiều án tích thì ghi lần lượt từng án tích theo nội dung các mục này.

Mẫu số 05/TTLT-LLTP

[1].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……./…… *....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự

Kính gửi: ……..[2]

Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

.....[3]thông báo cho Sở Tư pháp về việc chấp hành xong[4].....

.....
.....
.....

Của ông (bà): .....

Địa chỉ: ....

.....

đã bị kết án bởi Bản án số ...../..... ngày.... tháng..... năm..... của Tòa án[5]……....., thi hành án dân sự theo Quyết định thi hành án số...../……. ngày…… tháng….. năm……. của…….....[6]

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

.....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

[1,3,6] Ghi tên cơ quan Thi hành án dân sự.

[2] Ghi tên Sở Tư pháp tỉnh/thành phố nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở/Tòa án quân sự Trung ương.

[4] Ghi rõ hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí, nghĩa vụ dân sự mà người bị kết án đã chấp hành xong.

[5] Ghi rõ Tòa án đã tuyên bản án hình sự có hiệu lực pháp luật.

Mẫu số 06/TTLT-LLTP

……...[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……./……..	
V/v đề nghị phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích	*……, ngày…… tháng……năm…...*

Kính gửi:……[2]

Căn cứ vào Điều 63, 64 Bộ luật Hình sự, ông/bà…….…… đã bị kết án tại Bản án số…./…ngày../…./…..của TAND…… đã đủ thời hạn đương nhiên được xóa án tích.

Căn cứ Điều 25 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp,……[3] đề nghị …….[4] cung cấp thông tin về việc ông/bà…..... có hay không bị điều tra, truy tố xét xử kể từ khi chấp hành xong bản án đến nay, cụ thể như sau:

1. Tên gọi khác (nếu có): ....

2. Ngày, tháng, năm sinh: …….../ ...../ …… *3. Nơi sinh:*……..

4. Quốc tịch:..... *5. Dân tộc*.....

6. Nơi thường trú:.....

.....

7. Nơi tạm trú:.....

.....

8. Giấy CMND/Hộ chiếu:..... *Số:*.....

Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại: .....

9. *Họ và tên cha*: .....

10. Họ và tên mẹ: .....

11. Họ và tên vợ (chồng):.....

12. Ngày chấp hành xong bản án: .....

Văn bản trả lời xin gửi về.....[5] trước ngày.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:	.....
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Lưu :……..	

Ghi chú :

[1,3,5] Ghi rõ tên cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

[2,4] Ghi rõ tên cơ quan được đề nghị xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích.

Mẫu số 07/TTLT-LLTP

……[1] Số: ……./…… V/v trả lời kết quả xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ……tháng……năm……*

Kính gửi :……..[2]

Phúc đáp Công văn số...../..... ngày…/..../….. của .....[3] về việc đề nghị phối hợp xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích của ông/bà……..……., …….....[4] trả lời như sau:

Ông/ bà…… sinh ngày……/……/…… cư trú tại ..……

Kể từ ngày chấp hành xong bản án số……/…. ngày…… tháng….. năm…… của Tòa án nhân dân……..…….....
……
…...……
……
……
……
……
……[5]

Trên đây là trả lời yêu cầu xác minh về điều kiện đương được xóa án tích của ……[6] xin gửi……..[7] để biết.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: …….

.....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
[1,4,6] Ghi rõ tên cơ quan phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích.
[2,3,7] Ghi rõ Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp tỉnh/thành phố đã yêu cầu xác minh.
[5] Ghi rõ có hay không bị điều tra, truy tố, xét xử. Trường hợp nếu bị điều tra, truy tố, xét xử thì ghi rõ tội danh; ngày tháng năm bị điều tra, truy tố, xét xử; cơ quan tiến hành điều tra, truy tố, xét xử và gửi kèm bản sao các văn bản có liên quan (nếu có).